

**CÔNG TY TNHH MTV
CAO SU BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 35

Sao Y Bản Chính
Ngày 06 Tháng 03 năm 2015
Giám Đốc.



TRẦN QUYẾT THẮNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước Nông Trường Cây Trường thuộc tỉnh Sông Bé, được thành lập theo quyết định số 82/QĐ – UB ngày 15 tháng 10 năm 1992 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Sông Bé, và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 103721 ngày 18 tháng 12 năm 1992 do Trọng Tài Kinh Tế tỉnh Sông Bé cấp.

Trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh **lần đầu** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 08 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thuế số **3700248731** chuẩn y việc đăng ký lại doanh nghiệp chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Nông trường Cây Trường thành Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương với mức vốn điều lệ đăng ký là 8.848.045.430 VND.

Ngày 02 tháng 10 năm 2013 Công ty được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh **lần thứ nhất** do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chuẩn y việc thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp từ Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương sang Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC, bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.

- **Vốn điều lệ** : 50.000.000.000 đồng
- **Trụ sở hoạt động chính**
 - Địa chỉ : Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
 - Điện thoại : (84-0650) 3 586 038
 - Fax : (84-0650) 3 586 082
 - Mã số thuế : 3 7 0 0 2 4 8 7 3 1
- **Ngành, nghề kinh doanh:**
 - Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Trồng các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp.
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ phục vụ nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực phẩm).
 - Khai thác, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm cao su./.

BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ban kiểm soát			
Ông Vũ Văn Dược	Kiểm soát viên	01/06/2014	
Ban Giám đốc			
Ông Vũ Duy Viên	Giám đốc	28/12/2004	01/06/2014
Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch kiêm Giám đốc	01/06/2014	
Bà Phạm Thị Giới	Phó Giám đốc	29/08/2005	30/04/2014
Ông Nguyễn Tấn Khương	Phó Giám đốc	20/04/2005	

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ông	Trần Quyết Thắng	Kế toán trưởng	01/08/2006	01/06/2014
Ông	Trần Xuân Thạc	Kế toán trưởng	01/06/2014	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 35).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 17 tháng 07 năm 2014 theo quyết định số 1678/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Công ty đang làm thủ tục chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 để phục vụ cho mục đích Cổ phần hóa doanh nghiệp.

Ngày 21 tháng 10 năm 2014 Cục thuế tỉnh Bình Dương đã ra Biên bản kiểm tra thuế cho thời kỳ kiểm tra từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2014. Kết quả của việc kiểm tra thuế đã được Công ty ghi nhận vào Báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Đồng thời ngày 12 tháng 12 năm 2014 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương có Công văn số 4364/UBND-KTN thống nhất không truy thu tiền thuê đất của Công ty từ năm 2011 đến năm 2013, giữ nguyên đơn giá theo Hợp đồng ban đầu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

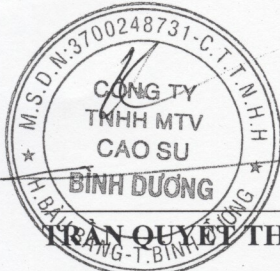
Địa chỉ: Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



TRẦN QUYẾT THẮNG - Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2014

Số : 0438/2014/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương được lập ngày 14 tháng 12 năm 2014 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến ngoại trừ

Do tính hợp lý của giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Vì vậy, Chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định tính hợp lý về giá trị khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh và kết chuyển vào nguyên giá tài sản cố định trong năm.

Công ty chưa trích lập dự phòng hoặc tiến hành xử lý đối với một số khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi số tiền 379.935.512 VND (*Xem thuyết minh số V.4*). Trong trường hợp trích lập dự phòng hoặc tiến hành xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ phát sinh một khoản lỗ tương ứng.

Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư trồng rừng số tiền 1.064.520.952 VND phải thu lại của các hộ nhận khoán vào nguyên giá tài sản cố định trong kỳ. Việc ghi nhận này làm Báo cáo tài chính của Công ty không thể hiện đúng bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và làm tài sản của Công ty thất thoát một khoản tương ứng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ” đến một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý với người đọc Báo cáo này rằng Quý khen thưởng phúc lợi Công ty đã sử dụng vượt nguồn quỹ được trích với số tiền 2.087.531.062 VND (*Xem thuyết minh số V.4*) chưa được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2014



VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0832-2013-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.841.286.276	75.939.740.819
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.371.535.788	4.135.082.001
Tiền	111		11.371.535.788	4.135.082.001
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.122.507.305	30.977.782.929
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	201.600.000	6.823.424.410
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	8.445.947.908	17.218.093.878
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	11.474.959.397	6.936.264.641
IV. Hàng tồn kho	140		4.876.968.931	36.234.679.791
Hàng tồn kho	141	V.5	4.876.968.931	36.234.679.791
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.470.274.252	4.592.196.098
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.812.903.426	3.605.751.858
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		200.928	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.7	-	169.106.150
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	657.169.898	817.338.090
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.193.496.301	96.869.741.178
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		120.193.496.301	96.869.741.178
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	119.231.091.215	65.417.109.785
Nguyên giá	222		135.818.118.257	79.223.812.107
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.587.027.042)	(13.806.702.322)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	962.405.086	31.452.631.393
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		159.034.782.577	172.809.481.997

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

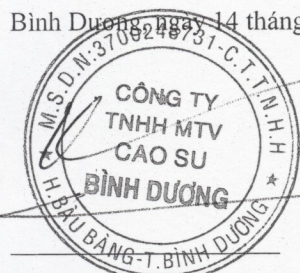
Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày	Số dư tại ngày
			30/06/2014	01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		124.492.436.338	123.158.449.143
I. Nợ ngắn hạn	310		94.350.612.085	93.016.624.890
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	75.815.532.711	81.117.627.994
2. Phải trả người bán	312	V.12	9.114.474.849	8.544.230.258
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	5.964.117.904	600.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.653.943.030	600.513.784
5. Phải trả người lao động	315		644.933.344	1.786.095.979
6. Chi phí phải trả	316	V.15	412.930.761	15.530.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	744.679.486	723.034.315
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	228.992.560
II. Nợ dài hạn	330		30.141.824.253	30.141.824.253
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.834.348.253	1.834.348.253
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	28.307.476.000	28.307.476.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.542.346.239	49.651.032.854
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	34.542.346.239	49.651.032.854
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		49.765.261.467	49.724.371.369
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15.222.915.228)	(73.338.515)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		159.034.782.577	172.809.481.997

Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2014



TRẦN QUYẾT THẮNG

Giám đốc

TRẦN XUÂN THẠCH

Kế toán trưởng

TRƯƠNG T. HỒNG NHUNG

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		58.027.500.000
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	58.027.500.000
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	61.397.544.401
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.370.044.401)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.250.769
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	6.485.942.065
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.485.942.065
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	108.153.357
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.612.122.677
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.569.011.731)
11 Thu nhập khác	31	VI.7	370.238.546
12 Chi phí khác	32	VI.8	32.273
13 Lợi nhuận khác	40		370.206.273
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16.198.805.458)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	357.484.672
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(16.556.290.130)</u>

Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2014



Giám đốc

TRẦN XUÂN THẠC

Kế toán trưởng

TRƯƠNG T. HỒNG NHUNG

Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trông, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

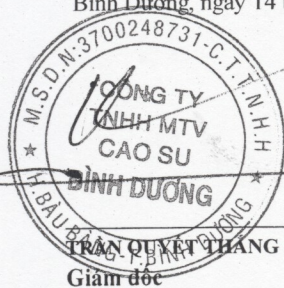
06 tháng đầu năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01		(16.184.805.458)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.780.324.720
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.250.769)
- Chi phí lãi vay	06		6.485.942.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<u>(6.925.789.442)</u>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		914.214.603
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.357.710.860
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.937.226.050
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.803.303.077
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.073.011.304)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(95.423.528)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(228.992.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>25.689.237.756</u>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.157.939.455)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.250.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(13.150.688.686)</u>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		33.642.933.207
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.945.028.490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(5.302.095.283)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.236.453.787
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.135.082.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u><u>11.371.535.788</u></u>

Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2014



TRẦN XUÂN THẠC
Kế toán trưởng

TRƯƠNG T. HỒNG NHUNG
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2014

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước
- Lĩnh vực kinh doanh** : Trồng trọt, khai thác và thương mại
- Ngành, nghề kinh doanh** : Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Trồng các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ phục vụ nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực phẩm). Khai thác, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm cao su./.
- Nhân viên**
Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 34 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 20 người) không bao gồm lao động thời vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 5 của Công ty kể từ khi chuyển thành Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	40
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Cây lâu năm	20
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm, xây dựng tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư vườn cây cao su tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm, xây dựng tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí mua sắm tài sản cố định của đơn vị là chi phí mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

Chi phí đầu tư vườn cây cao su

Chi phí đầu tư vườn cây cao su bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để trồng mới, chăm sóc các dự án trồng cây cao su của Công ty. Thời gian đầu tư cho vườn cây cao su từ 5 đến 7 năm; sau thời gian này, vườn cây cao su sẽ được tiến hành khai thác, Công ty sẽ thực hiện việc kết chuyển sang tài sản cố định và trích khấu hao như các tài sản khác.

Chi phí đầu tư vườn cây cao su từ năm 2005 đến năm 2009 chưa đưa vào khai thác.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản cho nhà máy chế biến cao su, chi phí đường lô nội bộ cao su, nhà làm việc.

9. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty gồm:

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước
- Nguồn vốn bổ sung hàng năm theo Quyết định của Chi cục tài chính doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.

Công ty trích lập quỹ theo thông tư 138/2010/TT-BTC ban hành ngày 17 tháng 09 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc Hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- e) Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

12. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Năm 2014 Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tuy nhiên Công ty đang lỗ nên không phát sinh thu nhập chịu thuế.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Tiền mặt	5.722.437.282	4.067.074.053
Tiền mặt VND	5.722.437.282	4.067.074.053
Tiền gửi ngân hàng	5.649.098.506	68.007.948
Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	1.898.747	8.869.273
- Tiền VND	1.898.747	8.869.273
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	5.636.638.676	48.577.592
- Tiền VND	5.636.638.676	48.577.592
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	10.561.083	10.561.083
- Tiền VND	10.561.083	10.561.083
Cộng tiền	11.371.535.788	4.135.082.001

2. Phải thu khách hàng

Công ty TNHH XNK Phú An	-	4.483.000.000
Hộ nhận khoán	-	2.340.424.410
CN Cao Su Móng Cái CTCP kho vận & DVHH Cao su	201.600.000	-
Cộng	201.600.000	6.823.424.410

3. Trả trước người bán

Công ty TNHH MTV Hoa Phú	-	144.769.870
Nguyễn Thị Tứ	2.887.870.255	696.708.171
Phạm Xuân Việt	906.146.000	706.146.000
Nguyễn Văn Minh	1.631.356.327	2.385.503.590
Trần Tấn Phước Thịnh	-	12.750.089.166
Ngô Xuân Phú	37.539.520	37.539.520
Phan Văn Minh	166.356.085	166.576.085
Lê Thị Thanh Thúy	1.930.646.712	312.201.155
Tài nguyên môi trường	18.550.000	18.550.000
Các nhà cung cấp khác	867.483.009	10.321
Cộng	8.445.947.908	17.218.093.878

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Các khoản nợ tồn đọng	379.935.512	382.294.145
Công nhân nghỉ việc	173.551.200	173.551.200
Công ty đường Bình dương	14.882.025	14.882.025
Đất trồng cũ	37.410.132	37.410.132
Đất thổ cư	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	35.000.000	35.000.000
Các khoản nợ tồn đọng khác	117.092.155	119.450.788
Các khoản thu hộ nhận khoán theo Nghị định 135	2.342.808.030	1.706.277.689
Võ Văn Cư	145.448.746	64.676.846
Hồ Thị Thu Hương	171.368.725	141.053.732
Nguyễn Văn Thanh	22.126.235	75.442.920
Vũ Duy Viên	229.466.910	177.259.560
Trần Cao Kính	60.954.090	56.263.917
Phải thu hộ giao khoán khác	1.713.443.325	1.191.580.714
Thu giá trị đầu tư rừng cao su khoán lại cho hộ nhận khoán theo Nghị định 135	2.352.152.047	-
Nguyễn Tấn Khương	368.062.270	-
Vũ Duy Viên	717.342.323	-
Vũ Văn Dược	210.432.132	-
Nguyễn Quốc Lộ	100.548.340	-
Phạm tiến Ngộ	325.534.271	-
Đỗ Thị Ngọc Bích	290.575.477	-
Nguyễn Hồng Chu	169.475.543	-
Trần Ngọc Chinh	170.181.691	-
Phải thu hộ giao khoán chia tỷ lệ 4/6	3.900.132.093	2.412.857.338
Nguyễn Thị Tứ	466.886.114	2.412.857.338
Trần Cao Kính	436.303.394	-
Vũ Duy Viên	1.848.467.838	-
Tạ Khắc Hưng	6.781.891	-
Tạ Công Nhiên	6.457.987	-
Trần Như Lánh	53.782.493	-
Lương Đình Tân	37.084.621	-
Nguyễn Quốc Lộ	90.421.497	-
Phạm Văn Trí	6.223.824	-
Lê Minh Khánh	35.891.462	-
Nguyễn Tấn Khương	19.143.655	-
Nguyễn Đăng Tám	3.274.273	-
Trần Quyết Thắng	43.635.448	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số dư tại ngày</u> <u>30/06/2014</u>	<u>Số dư tại ngày</u> <u>01/01/2014</u>
Các khoản nợ tồn đọng	379.935.512	382.294.145
Công nhân nghỉ việc	173.551.200	173.551.200
Công ty đường Bình dương	14.882.025	14.882.025
Đất trồng cũ	37.410.132	37.410.132
Đất thổ cư	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	35.000.000	35.000.000
Các khoản nợ tồn đọng khác	117.092.155	119.450.788
Các khoản thu hộ nhận khoán theo Nghị định 135	2.342.808.030	1.706.277.689
Võ Văn Cư	145.448.746	64.676.846
Hồ Thị Thu Hương	171.368.725	141.053.732
Nguyễn Văn Thanh	22.126.235	75.442.920
Vũ Duy Viên	229.466.910	177.259.560
Trần Cao Kính	60.954.090	56.263.917
Phải thu hộ giao khoán khác	1.713.443.325	1.191.580.714
Thu giá trị đầu tư rừng cao su khoán lại cho hộ nhận		
khoán theo Nghị định 135	2.352.152.047	-
Nguyễn Tấn Khương	368.062.270	-
Vũ Duy Viên	717.342.323	-
Vũ Văn Dược	210.432.132	-
Nguyễn Quốc Lộ	100.548.340	-
Phạm tiến Ngộ	325.534.271	-
Đỗ Thị Ngọc Bích	290.575.477	-
Nguyễn Hồng Chu	169.475.543	-
Trần Ngọc Chinh	170.181.691	-
Phải thu hộ giao khoán chia tỷ lệ 4/6	3.900.132.093	2.412.857.338
Nguyễn Thị Tứ	466.886.114	2.412.857.338
Trần Cao Kính	436.303.394	-
Vũ Duy Viên	1.848.467.838	-
Tạ Khắc Hưng	6.781.891	-
Tạ Công Nhiên	6.457.987	-
Trần Như Lánh	53.782.493	-
Lương Đình Tân	37.084.621	-
Nguyễn Quốc Lộ	90.421.497	-
Phạm Văn Trí	6.223.824	-
Lê Minh Khánh	35.891.462	-
Nguyễn Tấn Khương	19.143.655	-
Nguyễn Đăng Tám	3.274.273	-
Trần Quyết Thắng	43.635.448	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Lê Thị Tuất	13.475.933	-
Ngô Xuân Phú	81.115.523	-
Phạm thị Giới	275.125.221	-
Tạ Thị Lan (*)	2.057.786	-
Đỗ Xuân Nghiêm	46.892.784	-
Trương Thị Hồng Nhung	427.110.349	-
Các khoản phải thu khác	2.499.931.715	2.434.835.469
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	138.769.570	4.861.425
Bảo hiểm xã hội phải thu lại nhân viên	107.689.972	143.431.665
Thuế TNCN	5.941.111	5.159.103
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt chưa có nguồn bù đắp	2.087.531.062	2.086.754.693
Thuế Giá trị gia tăng phát sinh chưa kê khai khấu trừ	-	194.628.583
Thuế VAT tương ứng ứng trước tiền hàng Công ty CP DT&TM DIC	160.000.000	-
Cộng	11.474.959.397	6.936.264.641

5. Hàng tồn kho

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Nguyên vật liệu	1.870.659.392	850.249.513
Công cụ, dụng cụ	599.946.246	495.774.849
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	590.881.614	512.070.486
Thành phẩm	1.815.481.679	34.376.584.943
Cộng	4.876.968.931	36.234.679.791

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày		Phân bổ chi phí trong kỳ	Số dư tại ngày 30/06/2014
	01/01/2014	Tăng trong kỳ		
Chi phí Công cụ dụng cụ	1.022.164.925	1.040.868.368	1.627.388.712	435.644.581
Phân bón cho rừng cao su	2.583.586.933	1.366.804.200	2.583.586.933	1.366.804.200
Chi phí khác	-	10.454.645	-	10.454.645
Cộng	3.605.751.858	2.418.127.213	4.210.975.645	1.812.903.426

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Thuế TNDN nộp thừa còn phải thu	-	169.106.150
Cộng	-	169.106.150

8. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	657.169.898	817.338.090
Ông Nguyễn Đức Hải	25.000.000	25.000.000
Ông Nguyễn Quốc Lộ	82.270.000	82.270.000
Ông Đặng Tiến Nam	48.000.000	48.000.000
Ông Ngô Xuân Phú	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Quân	227.521.915	227.521.915
Bà Huỳnh Ngọc Thủy	54.900.033	53.290.000
Các nhân viên khác	189.477.950	351.256.175
Cộng	657.169.898	817.338.090

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Tại ngày 01/01/2014	26.337.769.807	22.957.987.844	5.779.542.509	599.392.700	16.836.966.067	6.712.153.180	79.223.812.107
2. Tăng trong kỳ	34.262.183.603	8.889.978.591	652.171.742	-	2.958.563.302	9.831.408.912	56.594.306.150
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	34.218.838.380	8.889.978.591	652.171.742	-	2.958.563.302	9.820.408.912	56.539.960.927
<i>Tăng khác</i>	43.345.223	-	-	-	-	11.000.000	54.345.223
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
4. Tại ngày 30/06/2014	60.599.953.410	31.847.966.435	6.431.714.251	599.392.700	19.795.529.369	16.543.562.092	135.818.118.257
II. Hao mòn lũy kế							
1. Tại ngày 01/01/2014	3.400.178.885	1.215.239.179	1.008.711.754	239.475.117	4.850.042.118	3.093.055.269	13.806.702.322
2. Tăng trong kỳ	741.090.028	781.824.454	162.236.436	40.018.242	549.359.977	505.795.583	2.780.324.720
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	741.090.028	781.824.454	162.236.436	40.018.242	549.359.977	505.795.583	2.780.324.720
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
4. Tại ngày 30/06/2014	4.141.268.913	1.997.063.633	1.170.948.190	279.493.359	5.399.402.095	3.598.850.852	16.587.027.042
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày 01/01/2014	22.937.590.922	21.742.748.665	4.770.830.755	359.917.583	11.986.923.949	3.619.097.911	65.417.109.785
2. Tại ngày 30/06/2014	56.458.684.497	29.850.902.802	5.260.766.061	319.899.341	14.396.127.274	12.944.711.240	119.231.091.215

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại 01/01/2014	77.750.000	-	765.357.100	86.662.700	-	302.738.300	1.232.508.100
Tại 30/06/2014	77.750.000	-	765.357.100	86.662.700	-	302.738.300	1.232.508.100

Như trình bày tại Thuyết minh số V.11 và V.17, Giá trị còn lại các tài sản Công ty đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng chi tiết như sau:

Tại 01/01/2014	22.937.590.922	21.688.042.933	-	-	11.986.923.949	-	56.612.557.804
Tại 30/06/2014	22.230.134.708	20.917.612.741	-	-	11.565.999.793	-	54.713.747.242

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

10. Xây dựng cơ bản dở dang

Hạng mục	Số dư tại ngày 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí và phân bổ	Số dư tại 30/06/2014
Chi phí đầu tư trồng rừng cao su	6.255.475.010	17.645.425	2.958.563.302	2.352.152.047	962.405.086
Cao su trồng năm 2005	2.357.708.160	-	1.598.522.073	759.186.087	-
Cao su trồng năm 2006	2.606.392.615	-	1.360.041.229	1.246.351.386	-
Cao su trồng năm 2009	1.291.374.235	17.645.425	-	346.614.574	962.405.086
XDCB dở dang	25.197.156.383	36.565.793.685	53.581.397.625	8.181.552.443	-
Hồ chứa nước thải	8.679.043.897	640.487.557	9.319.135.454	396.000	-
Đường trục lộ	120.191.331	8.870.166	129.061.497	-	-
Khoan khai thác nước ngầm (NMCB Mù)	402.468.099	29.702.301	432.170.400	-	-
Đào mương thoát nước, san lấp mặt bằng	10.454.645	-	-	10.454.645	-
Đường vào nhà máy	6.383.110.372	1.064.255.051	7.447.365.423	-	-
Dây chuyền chế biến mù	87.247.273	-	87.247.273	-	-
Nhà máy chế Biến	795.095.455	-	795.095.455	-	-
Văn phòng nhà máy chế biến	1.832.327.188	25.929.794	377.280.182	1.480.976.800	-
Đường vào trạm cân	197.493.125	40.759.203	238.252.328	-	-
Đầu tư thiết bị điện vào nhà máy	-	322.344.138	322.344.138	-	-
Các công trình khác	-	34.433.445.475	34.433.445.475	-	-
Các chi phí khác	6.689.724.998	-	-	6.689.724.998	-
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Cộng	31.452.631.393	36.583.439.110	56.539.960.927	10.533.704.490	962.405.086

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số dư tại ngày 01/01/2014	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Số dư tại ngày 30/06/2014
Vay ngắn hạn ngân hàng	69.994.627.994	33.142.933.207	36.445.028.490	-	66.692.532.711
<i>Ngân hàng BIDV</i>	<i>69.994.627.994</i>	<i>33.142.933.207</i>	<i>36.445.028.490</i>	<i>-</i>	<i>66.692.532.711</i>
163/2013/DN/HĐ	69.994.627.994	33.142.933.207	36.445.028.490	-	66.692.532.711
Vay cá nhân	2.123.000.000	500.000.000	-	-	2.623.000.000
Vũ Văn Dược	133.000.000	-	-	-	133.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số dư tại ngày 01/01/2014	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Số dư tại ngày 30/06/2014
Trần Thị Tuyết	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Nguyễn Đăng Năm	300.000.000	-	-	-	300.000.000
Trần Ngọc Chinh	1.490.000.000	-	-	-	1.490.000.000
Lưu Hiền Vinh	-	500.000.000	-	-	500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.000.000.000	-	2.500.000.000	-	6.500.000.000
Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát CSBD/2012- TH/HĐTĐ	4.000.000.000	-	-	-	4.000.000.000
Ngân hàng BIDV HD 01/4147269	5.000.000.000	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Cộng	81.117.627.994	33.642.933.207	38.945.028.490	-	75.815.532.711

Chi tiết các hợp đồng vay như sau:

Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam BIDV- CN Mỹ Phước**Hợp đồng vay số 163/2013/DN/HĐ ngày 05 tháng 07 năm 2013**

- + Hạn mức vay : 70.000.000.000 VND
- + Lãi vay : Theo từng khế ước nhận nợ
- + Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- + Tài sản đảm bảo : Tài sản gắn liền trên đất (cây cao su) tại xã Cây Trường, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/4147269/HĐTC ngày 25/4/2012 Giá trị TSĐB là 43.350.000.000 VND.

Tài sản gắn liền trên đất (nhà xưởng đang xây dựng) tại xã Cây Trường, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/4147269/HĐTC ngày 25/4/2012 Giá trị TSĐB là 44.000.000.000 VND

Tài sản gắn liền trên đất (cây cao su) tại xã Cây Trường, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 16/2012/DN/HĐ ngày 24/12/2012 Giá trị TSĐB là 67.215.000.000 VND

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay cá nhân					
Tên cá nhân cho vay	Nguyễn Đăng Năm	Trần Thị Tuyết	Trần Ngọc Chinh	Vũ Văn Dược	Lưu Hiển Vinh
	06/2012/HĐVV-CSBD	44/2012/HĐVV-CSBD	04/2013/HĐVV-CSBD	18/2013/HĐVV-CSBD	04/2014/HĐVV-CSBD
Số hợp đồng					
Ngày hợp đồng	22/02/2012	01/10/2012	15/03/2013	03/08/2013	27/01/2014
Số tiền cho vay	300.000.000	200.000.000	1.490.000.000	133.000.000	500.000.000
Số dư nợ vay cuối kỳ	300.000.000	200.000.000	1.490.000.000	133.000.000	500.000.000
Lãi vay	1,46%/ tháng	1,17%/ tháng	1,125%/ tháng	1,17%/ tháng	0,96%/ tháng
Thời hạn vay	12 tháng	12 tháng	12 tháng	12 tháng	12 tháng

Nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thuyết minh số V.17

12. Phải trả người bán

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Công ty Cơ khí Cao su	3.751.004.486	5.013.433.486
DNTN Bích Thủy	-	300.000.000
Công ty CP Hóa chất vật liệu điện TP. HCM	-	291.045.040
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nguyên Vũ	166.611.000	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn XD Phúc Thành Phát Đạt	67.864.000	-
Công ty CP & ĐTCN - TNHH MTV Becamex IDC	849.567.105	-
Trần Tấn Phước Thịnh	3.422.930.323	
Lê Trọng Kết	107.361.354	107.361.354
Trần Thị Tuyết Hạnh	36.716.152	280.328.220
Trần Như Hải	-	1.500.603.090
Nguyễn Thanh Quang	-	166.672.620
Trịnh Đăng Công	169.392.000	-
Phải trả nhà cung cấp khác	543.028.429	884.786.448
Cộng	9.114.474.849	8.544.230.258

13. Người mua trả tiền trước

Công ty CP DT & TM DV Bảo Bình	600.000	600.000
Công ty CP DT&TM DIC	3.024.000.000	-
Công ty TNHH SX & TM Hoa Sen Vàng	1.939.517.904	-
Công ty Viễn Đông	1.000.000.000	-
Cộng	5.964.117.904	600.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

STT	Chi tiêu	Số còn phải nộp tại ngày 01/01/2014	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp tại ngày 30/06/2014
I	Thuế	431.407.634	4.084.322.997	2.861.787.601	1.653.943.030
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	600.513.784	2.460.324.477	2.753.501.555	307.336.706
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(169.106.150)	357.484.672	95.423.528	92.954.994
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	9.862.518	9.862.518	-
4	Tiền thuê đất	-	1.253.651.330	-	1.253.651.330
5	Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	Tổng cộng	431.407.634	4.084.322.997	2.861.787.601	1.653.943.030

(*) Thuế TNDN nộp dư trình bày trên chi tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước" mã số 154 (Xem thuyết minh V.7)

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- Bán mủ cao su tươi : Không chịu thuế

- Bán mủ cao su đã qua sơ chế : 5%

Năm 2014 tất cả mủ cao su tươi khai thác được đều đưa vào nhà máy sơ chế rồi mới bán do đó không phát sinh doanh thu bán mủ cao su tươi.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Chi phí lãi vay phải trả	412.930.761	-
Tiền thưởng nhận huân chương lao động hạng 3	-	15.530.000
Cộng	412.930.761	15.530.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Kinh phí công Đoàn	15.151.480	-
Giữ lương công nhân khai thác mỏ (vi phạm - ghi nhận tháng 7/2011)	8.045.000	8.045.000
Phải trả hộ nhận khoán do thu thừa tiền thu trồng rừng	202.666.172	198.016.596
Các khoản phải trả khác	518.816.834	516.972.719
Cộng	744.679.486	723.034.315

17. Vay và nợ dài hạn

	Số dư tại ngày 01/01/2014	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Số dư tại ngày 30/06/2014
Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát	11.808.256.000	-	-	-	11.808.256.000
CSBD/2012-TH/HĐTD	11.808.256.000	-	-	-	11.808.256.000
Ngân hàng BIDV	15.270.720.000	-	-	-	15.270.720.000
HD 01/4147269	15.270.720.000	-	-	-	15.270.720.000
Vay chương trình 327/ CP	1.228.500.000	-	-	-	1.228.500.000
Cộng	28.307.476.000	-	-	-	28.307.476.000

Chi tiết hợp đồng vay:**Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Bến Cát****Hợp đồng vay số CSBD/2012-TH/HĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2012**

Hạn mức	20.000.000.000	VND
Mục đích vay	Xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su	
Thời hạn	60 tháng	
Lãi suất	15%/ năm	
Nợ gốc đến 31/12/2013	15.808.256.000	VND
Tài sản đảm bảo	Theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất số 57/HĐTC/09-BS-2012	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trồng, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam BIDV****Hợp đồng vay số 01/4147269/VB.HĐTD ngày 25/04/2012, Văn bản sửa đổi số 01/414269/VB.HĐTD ngày 10/07/2012 và ngày 11/10/2013**

Hạn mức	30.000.000.000	VND
Mục đích vay	Đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua MMTB cho nhà máy chế biến cao su Cây Trồng	
Thời hạn	60 tháng	
Lãi suất	theo từng kế ước nhận nợ	
Nợ gốc đến 31/12/2013	20.270.720.000	VND
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay	

18. Vốn chủ sở hữu**Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	34.343.283.057	12.506.751.732	4.625.873.387	-	51.475.908.176
Tăng vốn trong năm trước	17.401.023.036	-	-	(152.326.847)	17.248.696.189
Giảm vốn trong năm trước	(2.019.934.724)			-	(2.019.934.724)
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	218.123.604	218.123.604
Tăng khác	-	53.928.140	-	-	53.928.140
Trích lập quỹ trong năm trước	-	32.996.718	29.146.212	(139.135.272)	(76.992.342)
Giảm khác	-	(12.593.676.590)	(4.655.019.599)		(17.248.696.189)
Số dư 31/12/2013	49.724.371.369	-	-	(73.338.515)	49.651.032.854
Kỳ này					
Số dư 01/01/2014	49.724.371.369	-	-	(73.338.515)	49.651.032.854
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(16.556.290.130)	(16.556.290.130)
Tăng khác	40.890.098	40.890.098	-	1.406.713.417	1.488.493.613
Giảm khác	-	(40.890.098)	-	-	(40.890.098)
Số dư 30/06/2014	49.765.261.467	-	-	(15.222.915.228)	34.542.346.239

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	06 tháng đầu năm 2014
Tổng doanh thu	58.027.500.000
Doanh thu mủ cao su qua chế biến	57.789.500.000
- <i>Doanh thu mủ nước SVR 3L</i>	57.789.500.000
- <i>Doanh thu mủ tạp SVR 10</i>	-
Doanh thu mủ gia công SVR 10	238.000.000
Khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần	58.027.500.000

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán thành phẩm mủ cao su đã qua chế biến	61.344.128.297
- <i>Giá vốn mủ nước SVR 3L</i>	61.344.128.297
- <i>Giá vốn mủ tạp SVR 10</i>	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	53.416.104
Cộng	61.397.544.401

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	7.250.769
Cộng	7.250.769

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay ngân hàng	6.332.021.064
<i>Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn</i>	1.033.245.176
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam</i>	5.298.775.888
Chi phí lãi vay cá nhân	153.921.001
Cộng	6.485.942.065

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	06 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân viên	-
Chi phí vật liệu bao bì	37.948.500
Chi phí bằng tiền khác	70.204.857
Cộng	108.153.357

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.697.690.694
Chi phí vật liệu quản lý	156.605.726
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.821.158
Chi phí khấu hao	826.613.161
Thuế, Phí và lệ phí	72.594.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	183.084.845
Chi phí bằng tiền khác	2.627.712.838
Cộng	6.612.122.677

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ hộ nhận khoán (tiền bảo vệ và chi phí quản lý)	370.238.546
Cộng	370.238.546

8. Chi phí khác

Phạt chậm nộp bảo hiểm	29.361
Chi phí khác	2.912
Cộng	32.273

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(16.198.805.458)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.864.630.880
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.864.630.880
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	353.868.500
<i>Chi phí ảnh hưởng từ điều chỉnh kiểm toán sau quyết toán thuế</i>	4.510.762.380
<i>Lãi suất vượt 150% lãi suất cơ bản</i>	-
Thu nhập chịu thuế	(11.334.174.578)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	06 tháng đầu năm 2014
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	357.484.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	357.484.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	357.484.672

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.773.860.913
Chi phí nhân công	6.672.028.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.759.103.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	353.229.245
Chi phí khác	5.077.305.883
Cộng	35.635.528.299

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	6 tháng đầu năm 2014
Tiền đầu tư mua sắm tài sản cố định trong kỳ này chưa trả	3.651.879.852
Tiền đầu tư ứng trước cho năm trước ghi tăng tài sản cố định trong năm nay	15.198.486.518
Chi phí lãi vay chưa trả	412.930.761

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2014
Tiền đầu tư mua sắm tài sản cố định chưa trả kỳ trước đã trả trong kỳ này	1.262.429.000
Tiền đầu tư ứng trước trong kỳ này	950.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
----------------------	--------------------

Ông Vũ Duy Viên

Ông Trần Quyết Thắng

Giám đốc (đến hết tháng 5/2014)

Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Tấn Khương	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuân Thạch	Kế toán trưởng

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2014
Ông Vũ Duy Viên	
Phải thu hàng năm các khoản theo hợp đồng khoán theo NĐ 135/CP	52.207.350
Phải thu chi phí đầu tư trồng rừng giao khoán theo NĐ 135/CP	717.342.323
Ông Nguyễn Tấn Khương	
Phải thu hàng năm các khoản theo hợp đồng khoán theo NĐ 135/CP	14.961.863
Ông Trần Quyết Thắng	
Phải thu hàng năm các khoản theo hợp đồng khoán theo NĐ 135/CP	<u>25.615.558</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số dư ngày 30/06/2014	Số dư ngày 01/01/2014
Ông Vũ Duy Viên		
Phải thu giao khoán theo NĐ135	229.466.910	177.259.560
Phải thu giao khoán chia tỷ lệ 4/6	1.848.467.838	-
Ông Trần Quyết Thắng		
Phải thu giao khoán theo NĐ135	25.615.558	3.715.342
Phải thu giao khoán chia tỷ lệ 4/6	43.635.448	-
Phải trả khác	71.284.658	-
Ông Nguyễn Tấn Khương		
Phải thu giao khoán theo NĐ135	16.718.815	12.883.877
Phải thu giao khoán chia tỷ lệ 4/6	<u>19.143.655</u>	<u>-</u>

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương	299.052.800
Thưởng và các khoản có tính chất lương	<u>228.992.560</u>
Cộng	<u>528.045.360</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số dư tại ngày 30/06/2014	Số dư tại ngày 01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.371.535.788	4.135.082.001
Phải thu khách hàng	201.600.000	6.823.424.410
Các khoản phải thu khác	9.135.027.682	4.696.057.755
Cộng	20.708.163.470	15.654.564.166
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	104.123.008.711	109.425.103.994
Phải trả cho người bán	9.114.474.849	8.544.230.258
Các khoản phải trả khác	2.530.763.145	2.549.337.568
Cộng	116.181.177.466	120.518.671.820

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tính dụng và rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh doanh là khai thác mủ cao su tươi và sơ chế mủ cao su nguyên liệu. Giá mủ cao su nguyên trên thị trường chịu nhiều ảnh hưởng của giá mủ cao su trên thế giới nên có nhiều biến động.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích của quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

Số dư tại ngày 30/06/2014

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Vay và nợ	75.815.532.711	28.307.476.000	-	104.123.008.711
Phải trả người bán	9.114.474.849	-	-	9.114.474.849
Các khoản phải trả khác	696.414.892	-	1.834.348.253	2.530.763.145
Cộng	86.039.353.213	28.307.476.000	1.834.348.253	116.181.177.466

Số dư tại ngày 01/01/2014

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Vay và nợ	81.117.627.994	28.307.476.000	-	109.425.103.994
Phải trả người bán	8.544.230.258	-	-	8.544.230.258
Các khoản phải trả khác	714.989.315	-	1.834.348.253	2.549.337.568
Cộng	90.376.847.567	28.307.476.000	1.834.348.253	120.518.671.820

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao nhưng Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số dư tại ngày 30/06/2014

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.371.535.788	-	-	11.371.535.788
Phải thu khách hàng	201.600.000	-	-	201.600.000
Các khoản phải thu khác	9.135.027.682	-	-	9.135.027.682
Cộng	20.708.163.470	-	-	20.708.163.470

Số dư tại ngày 01/01/2014

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.135.082.001	-	-	4.135.082.001
Phải thu khách hàng	6.823.424.410	-	-	6.823.424.410
Các khoản phải thu khác	4.696.057.755	-	-	4.696.057.755
Cộng	15.654.564.166	-	-	15.654.564.166

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	24,42	43,94
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	75,58	56,06
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	78,28	71,27
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	21,72	28,73
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,40
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,40	0,80
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,12	0,04
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(27,92)	0,20
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	(28,53)	0,14
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	(9,76)	0,32
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	(9,98)	0,22

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG

Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	(39,33)	0,45

4. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu cuối kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm hiện hành. Cụ thể:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã điều chỉnh hủy các bút toán phân phối lợi nhuận và tăng vốn Nhà nước đã ghi nhận tại ngày 30/9/2013 (thời điểm chuyển giao quyền đại diện vốn chủ sở hữu vốn từ Sở tài chính Bình Dương sang Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC. Khoản điều chỉnh trên đã được phân loại trình bày lại để bảo tồn vốn và việc phân phối lợi nhuận theo đúng quy định, căn cứ theo Quyết định số 322/2013/QĐ-HĐTV ngày 01 tháng 10 năm 2013, dẫn đến việc chỉ tiêu vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng phúc lợi tăng lên lần lượt 214.469.777 VND và 76.992.342 VND. Đồng thời, lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm tương ứng số tiền là 291.462.119 VND, cụ thể số liệu thay đổi của các chỉ tiêu như sau:

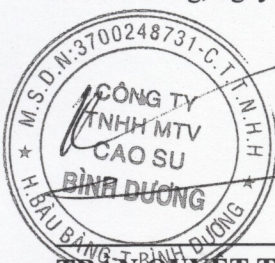
Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2014	Chênh lệch
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	49.509.901.592	49.724.371.369	214.469.777
Các khoản phải thu khác (*)	7.013.256.983	6.936.264.641	76.992.342
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	218.123.604	(73.338.515)	(291.462.119)

(*) Trong đó bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi đã sử dụng vượt có số dư nợ tại ngày 31/12/2013 là 2.163.747.035 VND và số dư nợ tại ngày 01/01/2014 sau khi điều chỉnh phân loại là 2.086.754.693 VND.

- Khoản góp vốn đầu tư trồng rừng của hộ nhận khoán theo hình thức chia 4/6 số tiền 1.834.348.253 VND cũng được phân loại trình bày lại từ chỉ tiêu các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác sang chỉ tiêu phải trả dài hạn khác. Làm cho số liệu hai chỉ tiêu tăng và giảm tương ứng số điều chỉnh phân loại.

Ngoài ra, số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt. Vì năm tài chính 2013 Công ty không lập báo cáo tài chính cùng kỳ nên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có thông tin so sánh.

Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2014



TRẦN QUÝT THẮNG
Giám đốc

TRẦN XUÂN THẠC
Kế toán trưởng

TRƯƠNG T. HỒNG NHUNG
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo